

Số: 1131 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 21 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân quận, huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TY ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2024, đồng thời bãi bỏ:

1. Thủ tục hành chính số thứ tự 03 thuộc Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện tại Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ tục hành chính số thứ tự 50, 52, 53, 54, 55, 58, 59 lĩnh vực thủy sản tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc



thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *lul*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- UBND TP (1C);
- VP UBND TP (2,3BG);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT.PM. *lu*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hà





**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN;
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN**

*(Kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực thủy sản					
1	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	- Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Cần Thơ (số 109, Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)	Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước	- Trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,

	ngoài)			với quy định)	quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Cần Thơ (số 109, Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)	Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ.
4	Công bố mở cảng cá loại 2	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		Không	
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		Không	
6	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		Không	
7	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	06 ngày làm việc (đối với cấp mới); 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 Chính phủ. - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

8	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Cần Thơ (số 109, Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)	Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ.
---	---	---	---	-------	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực thủy sản					
1	Công bố mở cảng cá loại 3	06 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận, huyện	Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.